

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HS-ST

Ngày: 26-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- *Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thản

2. Ông Đỗ Trường Tam.

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2020/HSST ngày 11 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04 /2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1970, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi thường trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nơi tạm trú hiện nay: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm hồ; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T(chết) và bà Nguyễn Thị K; Vợ Phạm Thị H (chết); Có 02 người con Nguyễn Anh K (chết) và Nguyễn Thị Thùy D (chết); Tiền án: Ngày 12-01-2009, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước xong ngày 17-4-2009 và nộp án phí vào ngày 27/10/2020; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 01-10-2020, đến ngày 09-10-2020 bị tạm giam cho đến nay.(có mặt).

2. Đỗ Văn Đ, sinh năm 1992, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị M; Vợ: Nguyễn Thị Phương A; Có 01 người con sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Tháng 5-2020 bị phạt hành chính về hành vi đánh bạc, nộp phạt xong ngày 27-5-2020. Bị cáo bị tạm giữ ngày 01-10-2020, đến ngày 09-10-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú.(Bị cáo tại ngoại có mặt).

3. Võ Thanh P, sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn B và bà Nguyễn Thị T; Vợ Trịnh Thị Mỹ O; Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo can bị tạm giữ ngày 01-10-2020, đến ngày 09-10-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo tại ngoại có mặt).

4. Nguyễn Phúc T (C), sinh năm: 1984, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: , khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Phúc T và bà Lại Kim S; Vợ Nguyễn Thị Bé B; Có 01 người con sinh năm 2015. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2007 bị Công an huyện Gò Dầu phạt vi phạm hành chính 350.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng; Bị cáo tạm giữ ngày 01-10-2020, đến ngày 09-10-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú.(Bị cáo tại ngoại có mặt).

5. Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1988, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm hồ; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C (chết); Vợ con chưa có. Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 01-10-2020, đến ngày 09-10-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú.(Bị cáo tại ngoại có mặt).

6. Hồ Văn Tu, sinh năm 1995, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn T và bà Đào Thị H ; Vợ Nguyễn Thị N; con có 01 sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 01-10-2020, đến ngày 09-10-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú.(Bị cáo tại ngoại có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn Đ (B), sinh năm 1995. Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 30-9-2020, các bị cáo Đỗ Văn Đ mang theo 3.740.000 đồng, Nguyễn Phúc T mang theo 4.600.000 đồng, Nguyễn Văn Tr mang theo 3.730.000 đồng, Hồ Văn Tu mang theo 2.000.000 đồng và Nguyễn Văn B mang theo 450.000 đồng đến nhà của bị cáo P để cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền do bị cáo Đ làm cái lắc bầu cua cho những người còn lại tham gia đặt tiền từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng. Bị cáo P cung cấp bộ dụng cụ lắc bầu cua và

cảnh giới cho sòng bạc để khi kết thúc sòng bạc sẽ lấy tiền xâu từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Hình thức đánh bạc là người làm cái dùng tờ giấy có in hình gà, nai, cua, tôm, cá và trái bầu để dưới đất; dùng 03 hột hình lập phương, mỗi hột có 06 mặt, mỗi mặt có in hình khác nhau gồm gà, nai, cua, tôm, cá và trái bầu, để trên đĩa tròn, dùng nắp nhựa đậy lại, rồi cầm lắc nhiều lần, sau đó để xuống chờ người tham gia đặt tiền. Khi người làm cái mở nắp nhựa ra, nếu mặt ngửa của 03 hột hình lập phương có hình trùng với hình mà người tham gia đặt thì người làm cái thua và ngược lại. Số tiền thắng thua bằng với số hình xuất hiện trên 03 hột hình lập phương nhân với số tiền đặt cược.

Đến 21 giờ 15 phút cùng ngày, khi các bị cáo Đ, T, Tr, Tu và B đang đánh bạc thắng thua bằng tiền, trong đó bị cáo Đ thắng 400.000 đồng, bị cáo T thắng 580.000 đồng, bị cáo Tr thắng 300.000 đồng, bị cáo Tu thua 1.100.000 đồng, bị cáo B thắng 260.000 đồng thì bị Công an huyện Gò Dầu bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc gồm: 100.000 đồng, 01 tấm giấy có in hình, 03 hột hình lập phương, 01 đĩa inox, 01 nắp nhựa. Công an thu giữ số tiền trên người các bị cáo dùng đánh bạc gồm: Tr 4.150.000 đồng, B 710.000 đồng, Đ 3.790.000 đồng, T 5.180.000 đồng. Ngoài ra, Công an còn thu giữ một số vật chứng có liên quan. Riêng bị cáo Tu và bị cáo P chạy thoát, nhưng sau đó ra đầu thú. Bị cáo Tu giao nộp lại 900.000 đồng tiền đánh bạc.

Quá trình điều tra, tất cả đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. P, Đ, T, Tr và Tu phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo B có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên lần này là tái phạm.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Có bảng thống kê kèm theo.

Về kê biên tài sản: Các bị cáo P, Đ, T, Tr, Tu và B không có tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKSGD ngày 11 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn B mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt Đỗ Văn Đ từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Võ Thanh P 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Phúc T 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Văn Tr 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Hồ Văn Tu 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thực hiện: Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 30-9-2020, tại ấp X, xã T, huyện G, bị cáo Võ Thanh P có hành vi dùng nhà của mình và cảnh giới cho các bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn Phúc T, Nguyễn Văn Tr, Hồ Văn Tu và Nguyễn Văn B đánh bạc thắng thua bằng tiền, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 14.830.000 đồng, còn bị cáo P thu tiền xâu từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Do đó hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết việc đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Nên phải xử một mức án thật nghiêm mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy:

Bị cáo B đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên lần phạm tội này là tái phạm. Do đó trong vụ án này bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Các bị cáo Đ, P, Tr, T, Tu mới phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài ra các bị cáo có khả năng kinh tế và điều kiện để đảm bảo thi hành án, nên áp dụng hình phạt tiền là có căn cứ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[5] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo B có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên lần này là tái phạm.

[6] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo P, Đ, T, Tr và Tu phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo P và Tu đầu thú.

[7] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vật chứng:

Đối với 01 tấm giấy trắng có in hình tôm, cua, bầu cá, nai, gà; 03 hình khối lập phương bằng xốp, có dán hình tôm, cua, bầu, cá, nai, gà; 01 hình trụ rỗng bằng nhựa, quần băng keo màu đen; 01 đĩa inox phủ sơn màu đen các bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm hiện không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J7, màu bạc, số IMEI 1: 353317095081049; số IMEI 2: 353318095081047, đã qua sử dụng (màn hình bể); 01 điện thoại di động Nokia C2, màu đen, số IMEI 1: 354233100350792; số IMEI 2: 354223100364793, đã qua sử dụng của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng trắng, số IMEI 1: 869125026245030, số IMEI 2: 869125026245022, đã qua sử dụng (bị móp phía sau) của bị cáo P; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A21S, màu đen, số IMEI 1: 353996321227318, số IMEI 2: 354281941227314, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động Nokia 1202, màu xanh, số se ri: 35741804870749, đã qua sử dụng của bị cáo Tr; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, số IMEI 1: 356446088501627, số IMEI 2: 356447088501625, đã qua sử dụng của bị cáo B, không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho các bị cáo là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu honda, số loại Future, màu sơn đỏ, biển số 70F1-716.75, số máy JC35E-7001708, số khung JC350X9YG00853, 109cm³, đã qua sử dụng của bị cáo T; 01 xe mô tô nhãn hiệu honda, số loại Wave, màu sơn xanh, biển số 70L1-21138, số máy HC08E0130800, số khung 080X2Y130757, 79cm³, đã sử dụng của bị cáo P; 01 xe mô tô nhãn hiệu honda, màu sơn xám đỏ, biển số 70N-0380, số máy SYS80K7372, số khung 70038095, 49cm³, đã qua sử dụng của bị cáo Tr; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYEED, số loại Wave, màu sơn đen, biển số 70F1-4976, số máy 52FMHM003538, số khung M003538, 97cm³, đã qua sử dụng của bị cáo Tu; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn đen-cam, biển số 70F1-70454, số máy G3D4E-912700, số khung 1010KY146258, 148cm³, đã qua sử dụng của bị cáo Đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu honda, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển số 70D1-378.57, số máy JA31E0417497, số khung EY232413, 109cm³, đã qua sử dụng của bị cáo B, các

bị cáo dùng làm phương tiện cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho các bị cáo là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, màu sơn đen-vàng, biển số 70H1-020.71, số máy FMG012082, số khung 1 UMAXN12082, 109cm³, đã qua sử dụng của anh Đ không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho anh Đ là có căn cứ.

Đối với số tiền 14.830.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ của các bị cáo: Đ 01 sổ tiết kiệm mệnh giá 15.000.000 đồng; P 01 sổ tiết kiệm mệnh giá 10.000.000 đồng, Tr 01 sổ tiết kiệm mệnh giá 10.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[8] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa xét thấy cần phạt bổ sung bị cáo B số tiền 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Đỗ Văn Đ, Võ Thanh P, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Phúc T (C), Hồ Văn Tu phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01-10-2020. Phạt bổ sung bị cáo B 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt Đỗ Văn Đ 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Phúc T (C) 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Văn Tr 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Võ Thanh P 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Hồ Văn Tu 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 tấm giấy trắng có in hình tôm, cua, bầu cá, nai, gà; 03 hình khối lập phương bằng xốp, có dán hình tôm, cua, bầu, cá, nai, gà; 01 hình trụ rỗng bằng nhựa, quần băng keo màu đen; 01 đĩa inox phủ sơn màu đen.

Tuyên trả các bị cáo:

T 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J7, màu bạc, số IMEI 1: 353317095081049, số IMEI 2: 353318095081047, đã qua sử dụng (màn hình bể) và 01 xe mô tô nhãn hiệu honda, số loại Future, màu sơn đỏ, biển số 70F1-716.75, số máy JC35E-7001708, số khung JC350X9YG00853, 109cm³, đã qua sử dụng;

Đ 01 điện thoại di động Nokia C2, màu đen, số IMEI 1: 354233100350792; số IMEI 2: 354223100364793, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn đen-cam, biển số 70F1-70454, số máy G3D4E-912700, số khung 1010KY146258, 148cm³, đã qua sử;

P 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng trắng, số IMEI 1: 869125026245030, số IMEI 2: 869125026245022, đã qua sử dụng (bị mốp phía sau) và 01 xe mô tô nhãn hiệu hon da, số loại Wave, màu sơn xanh, biển số 70L1-21138, số máy HC08E0130800, số khung 080X2Y130757, 79cm³, đã sử dụng;

Tr 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A21S, màu đen, số IMEI 1: 353996321227318, số IMEI 2: 354281941227314, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động Nokia 1202, màu xanh, số se ri: 35741804870749, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu hon đa, màu sơn xám đỏ, biển số 70N-0380, số máy SYS80K7372, số khung 70038095, 49cm³, đã qua sử dụng;

B 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, số IMEI 1: 356446088501627, số IMEI 2: 356447088501625, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu hon da, số loại Wave RSX, màu sơn đỏ đen, biển số 70D1-378.57, số máy JA31E0417497, số khung EY232413, 109cm³, đã qua sử dụng của bị cáo B;

Tu 01 xe mô tô nhãn hiệu SYEED, số loại Wave, màu sơn đen, biển số 70F1- 4976, số máy 52FMHM003538, số khung M003538, 97cm³, đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho anh Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, màu sơn đen-vàng, biển số 70H1-020.71, số máy FMG012082, số khung 1 UMAXN12082, 109cm³, đã qua sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 14.830.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ của các bị cáo: Đ 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số CS 458614 của ngân hàng S phòng giao dịch huyện G, mệnh giá 15.000.000 đồng; P 01 sổ tiết kiệm số AD00015871203 của ngân hàng A chi nhánh huyện G , mệnh giá 10.000.000 đồng; Tr 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD00015871198 của ngân hàng A chi nhánh huyện G, mệnh giá 10.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Mỗi bị cáo Nguyễn Văn B, Đỗ Văn Đ, Võ Thanh P, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Phúc T (C), Hồ Văn Tu phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng anh Đ có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở tư pháp tỉnh nơi BC ĐKNKTT;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài